

Bản tin thị trường

15.11.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

DGW, VIB

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường kỳ vọng chạm đáy kỹ thuật

Thị trường có cú rơi rất mạnh hôm nay và có thời điểm chỉ số Vnindex mất gần 40 điểm và chỉ số Vnindex rơi xuống dưới ngưỡng 900. Phiên chiều lực mua vào khá tốt ở một số cổ phiếu giúp chỉ số hạ nhiệt đóng cửa tại 911 điểm. Toàn sàn hôm nay có tới 200 mã sàn trên tổng số 332 mã giảm. Một số blue chip xanh điểm hiếm hoi có VIC, VHC, MSN và HPG. HPG hôm nay giao dịch hơn 40 triệu cổ phiếu sang tay và giữ vững mức xanh dù các cổ phiếu cùng ngành HSG, NKG đều giảm sâu. Khối ngoại trong ngày cũng mua vào hơn 17 triệu HPG so với 6,6 triệu bán ra. Khối ngoại hôm nay tiếp tục mua ròng mạnh 1183 tỷ trong đó nhiều nhất là STB, HPG, SSI, KBC.

Nhóm bất động sản vẫn giảm sâu và bị bán sàn khối lượng lớn ở DXG, PDR, NVL, DIG và hôm nay có thêm EIB liên quan BCG, PVD, BSR, HBC, DCM, CII Hầu hết các nhóm ngành lớn từ bất động sản, xây dựng, chứng khoán, bán lẻ đều có cổ phiếu rơi sàn và bị mất thanh khoản khối lượng lớn.

Dù đánh giá nhiều cổ phiếu đã có vùng giá khá tốt và P/bv nhiều cổ phiếu đã dưới 1 nhưng tình hình call margin vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại vì vậy xu hướng giảm của thị trường có thể còn tiếp diễn thêm nhiều phiên tới. Với các nhà đầu tư dài hạn, việc giải ngân có thể xem xét đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu hoạt động kinh doanh ổn định, cổ tức cao và nợ vay thấp.

Tin Doanh Nghiệp

Digiworld lãi hơn 600 tỷ đồng 10 tháng



CTCP Thế Giới Số (Digiworld - Mã: DGW) vừa có thông báo cập nhật tình hình kinh doanh trong bối cảnh áp lực bán tháo trên thị trường đang khiến cổ phiếu DGW lao dốc trong các phiên gần đây và nhiều tin đồn thất thiệt về tình hình công ty.

Lãnh đạo Digiworld thừa nhận tình hình thị trường đang khó khăn nhưng đang tích cực làm việc với tất cả nhãn hàng như Apple, Xiaomi, HP, Dell, Acer, Asus,... để kích cầu cũng như tăng nguồn cung phục vụ thị trường.

Theo báo cáo tài chính riêng (chưa tính các công ty con), trong tháng 10, Digiworld ghi nhận doanh thu 1.555 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 66 tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng đầu năm, doanh thu đạt 19.343 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 608 tỷ, lần lượt tăng trưởng 24% và tăng 39% so với cùng kỳ.

Trước đó tại sự kiện cập nhật tình hình kinh doanh ngày 3/11, Chủ tịch Đoàn Hồng Việt cho biết kết quả tháng 10 thấp hơn trung bình các tháng trước do mùa "Back to school" đã đi qua khiến nhu cầu tiêu thụ laptop chậm lại, đồng thời iPhone cũng đang thiếu hàng.

Quý IV, Digiworld đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 7.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 300 tỷ, lần lượt giảm 5% và 8% so với nền so sánh cao của cùng kỳ năm ngoái. Vị chủ tịch cho biết thông thường quý IV là quý quan trọng để bứt tốc của công ty.

Ba quý đầu năm, công ty đã thực hiện 66% mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm. Ông Việt nói, khoảng 34% còn lại vẫn nằm trong khả năng của công ty.

Về việc sở hữu cổ phiếu của ban lãnh đạo, Digiworld cho biết Hội đồng quản trị có hai thành viên độc lập không sở hữu cổ phiếu và ba thành viên còn lại nắm giữ cổ phiếu thông qua các công ty trách nhiệm hữu hạn do cá nhân làm chủ. Các công ty riêng này chưa lưu ký cổ phiếu nên không mua bán trên sàn. Tổng số lượng các công ty riêng đang nắm giữ hơn 74,2 triệu cổ phiếu, sở hữu 45% vốn công ty.

Bên cạnh đó, sắp tới Digiworld dự kiến phát hành 4 triệu cổ phiếu ESOP cho người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong một năm. Thời gian hết hạn chế của đợt phát hành gần nhất đến tháng 4/2023.

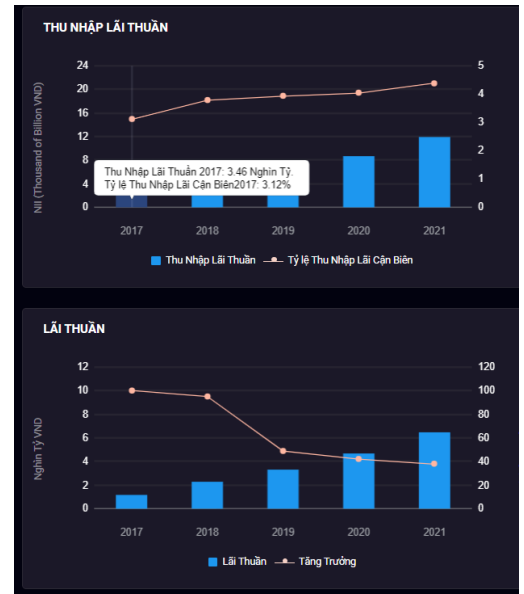
VIB có thể chia cổ tức tiền mặt đến 35% nếu được phê duyệt

Hết 10 tháng đầu năm 2022, VIB ghi nhận lợi nhuận trước thuế ở mức 8.715 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 109% lợi nhuận của cả năm 2021, với hệ số ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) đạt 30% liên tiếp trong 3 năm.

Kết quả này được đóng góp từ việc tăng thu nhập từ phí qua các sản phẩm dịch vụ thu phí, digital banking, tối ưu hóa chi phí/vốn mà nhà băng này đã đồng loạt triển khai từ 5 năm nay. Bên cạnh đó, với tỷ lệ hơn 90% cho vay bán lẻ, trong đó trên 90% khoản vay có tài sản đảm bảo chất lượng và thanh khoản cao, VIB có nhiều lợi thế trong việc quản trị tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn.

Nhờ chiến lược chuyển dịch trọng yếu sang bán lẻ (thẻ tín dụng, cho vay mua nhà, cho vay mua ô tô, cho vay kinh doanh, bảo hiểm) và đẩy mạnh số hóa, lãnh đạo VIB dự báo lợi nhuận trước thuế của cả năm 2022 nhiều khả năng sẽ vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao là 10.500 tỷ, tương đương với 8.400 tỷ lợi nhuận sau thuế.

Với dự báo lợi nhuận này, đồng thời với việc luôn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động kinh doanh đạt mức cao, sau khi kết thúc năm tài chính 2022 VIB có thể chia cổ tức tiền mặt lên tới 35% vốn điều lệ, nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu VIB có thể nhận được 3.500 đồng cổ tức. Con số 35% này có thể cao hơn nhiều nếu các khoản thu bất thường kịp ghi nhận trong năm 2022. Sau khi chi trả cổ tức, VIB vẫn hoàn toàn tuân thủ các hệ số an toàn theo tiêu chuẩn của Ngân hàng nhà nước (NHNN) và các tiêu chuẩn chọn lọc của Basel II và Basel III. Hệ số an toàn vốn (CAR) Basel II của VIB sau khi chi trả cổ tức dự kiến sẽ ở mức trên 10%, cao hơn so với mức 8% theo quy định của NHNN.





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số rơi xuống tạo đáy mới sau phiên giao dịch hôm nay. Thị trường chưa hình thành đáy ngắn hạn và các đáy sau tiếp tục đào sâu hơn vì vậy việc giải ngân là hết sức cần trọng với các nhà đầu tư ngắn hạn. Một số cổ phiếu đang tạo nền tích lũy ít nhất là đã giảm đã chậm lại có thể quan tâm ngắn hạn như STB, HPG, CTG, VCB, MSN, OCB, BID, TCM, VHC.



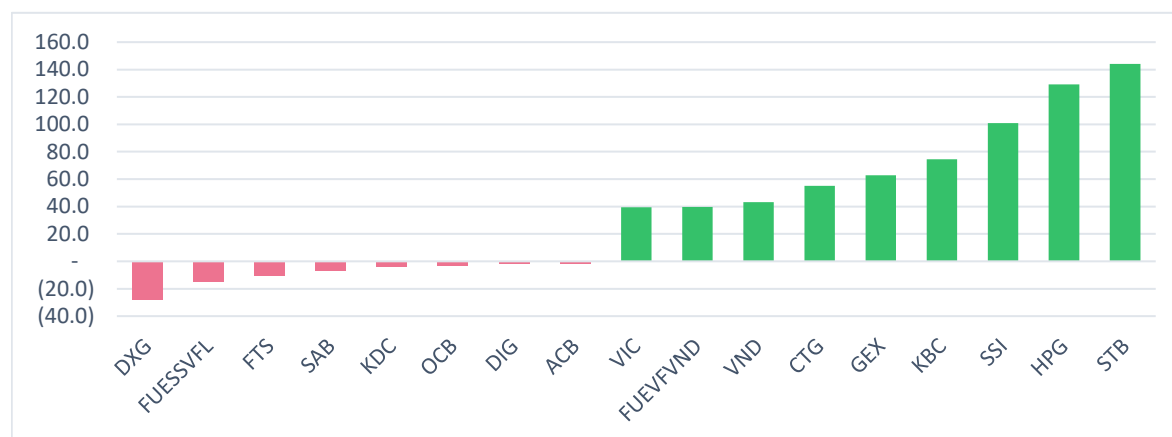
Tổng hợp kết quả kinh doanh 9T.2022

Mã CK	Sàn	Q3/2022	Lợi nhuận +/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2022	EPS 4 quý	P/E Hiện tại
TCB	HOSE	5,297.97	22.1	16,603.1	6,036	3.5
VPB	HOSE	3,729.88	72.6	15,909.6	4,204	3.7
ACB	HOSE	3,586.99	70.6	10,817.7	4,562	4.3
TPB	HOSE	1,711.62	54.2	4,742.9	4,087	4.9
DGC	HOSE	1,413.95	195.6	4,533.5	24,938	2.9
SAB	HOSE	1,341.94	202.3	4,180.5	8,568	21.1
LPB	HOSE	986.89	61.3	3,842.4	3,456	2.7
PDR	HOSE	717.75	18.1	1,412.4	3,794	12.4
VHC	HOSE	450.21	76.2	1,782.1	12,264	5.3
SSI	HOSE	309.13	(54.7)	1,437.8	2,317	6.5
HSG	HOSE	265.00	(84.4)	1,137.4	4,211	2.8
DHG	HOSE	262.39	30.3	752.3	7,058	12.5
BAB	HNX	228.15	7.0	586.4	994	14.1
NT2	HOSE	198.98	(27.2)	724.1	2,936	8.8
HCM	HOSE	165.09	(48.2)	727.2	2,246	7.7
SCS	HOSE	160.85	32.9	501.3	11,778	6.0
PPC	HOSE	155.07	-	310.4	1,168	12.7
VOS	HOSE	154.12	(17.0)	469.8	3,939	2.8
SHP	HOSE	137.03	3.6	276.5	3,775	7.4
KHP	HOSE	133.79	(40.1)	-	257	32.3
VCI	HOSE	122.68	(62.7)	840.5	3,796	6.2
PHR	HOSE	121.59	(16.2)	467.1	5,195	7.8
MBS	HNX	121.19	(34.1)	441.8	2,290	5.3
ANV	HOSE	119.90	-	567.2	4,883	6.1
IJC	HOSE	119.50	44.5	484.4	2,538	4.8
TNG	HNX	106.17	24.6	231.4	3,221	4.8
CSV	HOSE	101.43	159.4	310.1	8,718	4.2
PGD	HOSE	100.93	19.1	258.9	3,667	7.4
TBC	HOSE	94.49	283.5	247.2	4,266	7.2
CHP	HOSE	94.29	82.6	317.5	3,683	6.6
VND	HOSE	93.48	(84.3)	1,309.8	2,688	4.6
DVP	HOSE	93.47	9.3	229.6	7,205	6.9
TCM	HOSE	91.97	-	219.8	3,278	12.9
SHS	HNX	88.25	(64.2)	-	1,763	3.9
VIX	HOSE	88.09	(40.3)	414.6	1,463	4.6
BTP	HOSE	86.56	374.7	-	2,876	5.1

NTP	HNX	83.83	7.9	410.3	4,400	8.0
EVF	HOSE	78.66	(12.0)	242.7	1,052	7.6
DRC	HOSE	77.09	128.6	226.8	2,645	8.7
FMC	HOSE	76.92	36.1	231.6	5,280	6.8
DPR	HOSE	76.04	10.7	180.5	11,396	4.7
VCF	HOSE	74.80	3.7	265.3	17,490	12.1
SJD	HOSE	73.92	-	145.1	2,772	5.8
HDC	HOSE	72.03	6.1	247.5	3,762	7.9
ORS	HOSE	70.57	137.7	-	986	8.7
PDN	HOSE	67.43	77.4	193.1	12,100	10.3
CDN	HNX	65.93	12.5	197.4	2,567	9.7
VNS	HOSE	59.85	-	128.5	594	32.1
VFG	HOSE	59.76	50.0	171.3	6,632	6.0
RAL	HOSE	59.13	40.2	276.9	27,066	2.8
HAX	HOSE	57.46	-	192.3	6,275	3.1
SLS	HNX	57.43	23.1	125.3	20,566	6.3
NCT	HOSE	56.42	(9.3)	170.1	8,618	10.2
IMP	HOSE	55.79	78.1	155.0	3,324	17.1
TDM	HOSE	54.41	110.1	146.5	2,831	11.2
SBA	HOSE	53.86	252.7	144.8	3,479	7.0
LIX	HOSE	52.99	162.9	166.7	7,084	6.1
TTA	HOSE	52.45	80.5	186.2	1,441	7.7
MIG	HOSE	50.75	55.9	135.6	1,423	9.5
STK	HOSE	50.13	(19.7)	195.8	3,974	7.6
DMC	HOSE	49.14	26.6	129.1	5,282	8.4
HVT	HNX	47.42	103.7	125.8	13,238	3.7
SMB	HOSE	44.94	124.4	154.0	7,202	5.7
TNH	HOSE	44.18	(26.4)	98.5	2,728	10.0
CLC	HOSE	41.07	10.3	96.7	5,188	6.7
SZL	HOSE	40.12	41.4	79.6	5,729	8.5
TIP	HOSE	39.91	503.4	56.8	2,358	7.4
BVS	HNX	38.09	16.1	102.3	2,761	5.3
PAC	HOSE	37.00	51.6	133.4	4,333	6.8
HT1	HOSE	36.39	-	197.1	656	14.8
PSD	HNX	32.18	(15.6)	97.3	4,999	3.8
FIR	HOSE	32.15	95.0	89.2	3,748	11.6
AGR	HOSE	30.26	32.6	102.0	857	8.4
CAP	HNX	28.55	256.7	66.2	15,736	5.4
S4A	HOSE	27.89	9.4	81.3	3,711	9.6
IDV	HNX	26.89	(44.0)	102.3	7,474	4.9
KPF	HOSE	26.36	293.8	56.2	1,336	7.0
TKU	HNX	25.26	95.6	77.0	2,416	5.0
KDC	HOSE	24.32	(78.7)	329.4	1,860	33.2
BCF	HNX	24.11	6,300.6	97.4	4,368	8.5
VDS	HOSE	24.04	(67.6)	-	(89)	(91.0)
SZC	HOSE	23.32	(65.0)	159.8	2,279	12.9
DHT	HNX	22.84	163.3	60.2	2,997	13.0
CSM	HOSE	22.77	-	49.9	816	18.4
SVI	HOSE	22.74	63.5	83.3	9,003	6.4
NST	HNX	21.41	225.7	-	933	7.3
PMC	HNX	20.37	570.8	60.4	9,045	6.9
SEB	HNX	20.17	831.7	126.0	5,691	7.9
VIT	HNX	20.10	118.2	-	868	22.8
CCL	HOSE	19.93	169.2	46.1	1,408	4.1



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	20.3	5,995,200	4.4	1.2	-	78,000	4,560	16,502
BID	HOSE	34.8	2,040,300	10.2	1.7	126,300	20,400	3,397	19,951
CTG	HOSE	23.1	5,961,800	7.1	1.0	4,625,100	2,271,200	3,240	22,080
EIB	HOSE	21.0	400,100	9.4	1.3	45,600	-	2,223	16,368
HDB	HOSE	14.2	1,779,000	3.8	0.8	1,639,900	804,440	3,748	18,469
LPB	HOSE	9.8	6,317,800	2.8	0.6	5,420	-	3,454	15,554
MBB	HOSE	14.6	9,550,900	3.2	0.9	2,194,720	2,124,140	4,575	16,742
MSB	HOSE	10.9	3,089,500	3.6	0.6	7,400	730	3,042	16,888
OCB	HOSE	13.0	2,454,900	5.0	0.7	117,800	369,930	2,568	17,433
SHB	HOSE	9.4	14,782,600	2.9	0.6	776,010	17,900	3,264	15,859
SSB	HOSE	29.1	1,439,300	12.6	2.3	7,600	100	2,318	12,429
STB	HOSE	15.6	13,785,600	7.1	0.8	11,483,300	1,933,500	2,200	19,595
TCB	HOSE	21.1	4,810,300	3.5	0.7	-	10,000	6,036	31,246
TPB	HOSE	19.4	2,456,300	4.7	1.0	22,400	50,300	4,084	19,369
VCB	HOSE	74.2	904,300	12.5	2.7	1,546,200	1,096,750	5,936	27,129
VIB	HOSE	16.8	1,822,400	3.5	1.2	-	300	4,805	14,460
VPB	HOSE	14.8	12,627,600	3.5	0.6	100,000	118,800	4,196	22,873
BAB	HNX	12.9	7,700	13.0	1.1	-	-	994	11,730
NVB	HNX	14.0	45,500	-	1.4	3,800	2,320	(710)	10,027
VBB	UPCOM	7.0	18,400	5.4	0.5	-	-	1,295	12,860
VAB	UPCOM	6.2	136,700	3.5	0.5	6,000	1,000	1,766	12,999
SGB	UPCOM	11.8	36,500	-	0.9	-	-	489	12,713
PGB	UPCOM	15.1	12,000	12.7	1.0	-	-	1,185	14,969
NAB	UPCOM	7.3	267,000	-	-	-	-	3,026	18,823
KLB	UPCOM	16.1	5,500	11.2	1.2	-	-	1,443	13,926
BVB	UPCOM	7.3	619,400	9.6	0.5	-	-	758	13,457
ABB	UPCOM	6.4	2,119,300	3.1	0.5	-	-	2,081	13,358
			93,485,900	6.60	1.02	22,707,550	8,899,810	2,814	16,956



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZG	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	28/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	FOX	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	30/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SJG	UPCoM	24/11/2022	25/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 280 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	E29	UPCoM	16/11/2022	17/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNW	UPCoM	14/11/2022	15/11/2022	15/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SFC	HOSE	14/11/2022	15/11/2022	5/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NVL	HOSE	11/11/2022	14/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24.75	Thưởng cổ phiếu
10	SZL	HOSE	10/11/2022	11/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV4	HNX	9/11/2022	10/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	HAN	UPCoM	4/11/2022	7/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 430 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1.0705	Thưởng cổ phiếu
14	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:0.6469, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	BTD	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PC1	HOSE	1/11/2022	2/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	16/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VEA	UPCoM	28/10/2022	31/10/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,493.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PNJ	HOSE	28/10/2022	31/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PCT	HNX	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TLP	UPCoM	27/10/2022	28/10/2022	14/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 339 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	SAM	HOSE	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	BMP	HOSE	26/10/2022	27/10/2022	1/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 3,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TMX	HNX	26/10/2022	27/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	IDP	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931